

ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA THỔ CẨM CÁC TỘC NGƯỜI TẠI CHỖ TRƯỜNG SON - TÂY NGUYÊN THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Phạm Văn Lợi

Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển
Email: ploivme@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/2/2019
Ngày phân biên: 21/2/2019
Ngày duyệt đăng: 13/3/2019

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/274>

Trường Sơn - Tây Nguyên (TS - TN) là khu vực lịch sử, dân tộc học đặc biệt, gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng và phần miền núi phía Tây các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Phước. Đây là nơi cư trú lâu đời của 15 tộc người nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer; ngữ hệ Nam Á¹ và 5 tộc người nhóm ngôn ngữ Malayô-Pônileđi, ngữ hệ Nam Đảo². Thổ cẩm của các tộc người trên dải đất này cũng là một chủ đề được nhiều nhà khoa học quan tâm. Và sau nhiều năm nghiên cứu, tác giả bài viết muốn khẳng định một số đặc trưng cơ bản của thổ cẩm - nghề dệt và sản phẩm dệt các tộc người tại chỗ trên TS - TN, nhận diện một số vấn đề đang đặt ra với nghề dệt, sản phẩm dệt ở đây qua đó định hướng giải pháp nhằm bảo tồn, phát triển nghề dệt, sản phẩm dệt của các tộc người tại chỗ trên vùng đất này.

Từ khóa: Trường Sơn – Tây Nguyên; Tộc người; Thổ cẩm; Nghề dệt, sản phẩm dệt; Bảo tồn nghề dệt thổ cẩm.

1. Đặt vấn đề

Thổ cẩm hay sản phẩm dệt, nghề dệt của các tộc người trên đất nước ta, từ lâu đã trở thành chủ đề được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu và nhiều công trình khoa học được hoàn thành/xuất bản. Nghiên cứu về thổ cẩm của các tộc người ở Việt Nam nói chung, có thể kể tới các tác phẩm: “*Y phục và trang sức các dân tộc Việt Nam*” của tác giả Ngô Đức Thịnh; “*Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam*”, tập 5: “*Nghề đan lát; nghề thêu, dệt; nghề làm giấy; đồ mã và nghề làm tranh dân gian*” do Viện Nghiên cứu Văn hóa xuất bản... Với thổ cẩm của từng tộc người, có thể kể tới các nghiên cứu: “*Hoa văn Mường*” (Trần Từ, 1978), “*Tìm hiểu trang phục Việt Nam (dân tộc Việt)*” (Đoàn Thị Tinh, 1987), “*Hoa văn Thái*” (Hoàng Lương, 1988), “*Nghệ thuật trang phục Thái*” (Lê Ngọc Thắng, 1990), “*Nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc trong cuộc sống hiện đại*” (Nguyễn Thị Thanh Nga, 2003)... Với thổ cẩm các tộc người tại chỗ trên TS - TN, cần kể tới “*Hoa văn các dân tộc Giarai – Bana*” (Trần Từ, 1986), “*Hoa văn cổ truyền Đắk Lắk*” (Chu Thái Sơn (chủ biên, 2000),

“*Nghề dệt và trang phục cổ truyền của dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam*” (Trần Tân Vịnh, 2009), “*Nghề dệt truyền thống của người Tà ôi trong bối cảnh kinh tế thị trường* (Nghiên cứu trường hợp xã Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế” (Nguyễn Trường Giang, 2016), “*Nghề dệt và sản phẩm dệt của người Bana ở làng Kon Rờ Bàng, thành phố Kon Tum*” (Phạm Văn Lợi, 2017)...

Trên cơ sở các công trình khoa học đã được công bố và vốn kiến thức được tích lũy trong hơn 20 năm triển khai các đề tài nghiên cứu, sưu tầm về các tộc người tại chỗ trên TS - TN, tác giả bài viết khẳng định một số đặc trưng cơ bản của thổ cẩm của các tộc người tại chỗ trên TS - TN và đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn, phát triển nghề dệt, sản phẩm dệt của các tộc người tại chỗ TS - TN.

2. Đặc trưng của thổ cẩm các tộc người tại chỗ trên Trường Sơn - Tây Nguyên

2.1. Nguyên vật liệu

Trong tác phẩm của mình, các tác giả, nhà nghiên cứu đều khẳng định: Với các tộc người tại chỗ trên TS - TN, nguyên liệu dành cho nghề dệt phổ biến nhất là sợi bông. Trong xã hội truyền thống, các gia đình cư dân thuộc các tộc người tại chỗ trong khu vực mỗi năm thường tìm chọn, phát dốt, dọn một đám rẫy phù hợp để gieo tria, chăm

¹. Các dân tộc Bru-Vân Kiều, Tà ôi, Cơ tu, Giê-Triêng, Ba na, Xơ đăng, Brâu, Rơ măm, Co, Hrê, Mnông, Cơ ho, Ma, Xtiêng, Chơ ro.

². Các dân tộc Chăm, Gia rai, Ê đê, Chu ru và Ra glai.

sóc bông, lấy sợi bông làm nguyên liệu dệt, tạo ra các sản phẩm dệt phục vụ nhu cầu mặc và sử dụng của gia đình. Một số công trình nghiên cứu và truyền thông đề cập đến một vài loại vải của các tộc người tại chỗ nơi đây được chế tác bằng các nguyên liệu khác như: Vò cây (người Ê đê, Xơ đăng, Bru - Vân Kiều...), sợi tơ tằm (ở khu vực Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng). Tuy nhiên, có thể khẳng định, một số tộc người tại chỗ trên TS - TN trong xã hội truyền thống có sử dụng vò cây để làm khố, áo, tấm đắp... nhưng không sử dụng sợi vò cây để dệt vải. Nghề dệt lụa bằng sợi tơ tằm ở khu vực Bảo Lộc (trước kia là huyện, rồi thị xã, nay là thành phố), tỉnh Lâm Đồng, mới xuất hiện và phát triển chừng nửa thế kỷ gần đây và cũng chỉ tập trung chủ yếu ở cộng đồng người Việt¹. Các tộc người tại chỗ ở đây như Cơ ho, Mạ, Chu ru... trong xã hội truyền thống vẫn chủ yếu dệt bằng sợi bông và tạo ra y phục, đồ dùng (thồ côm) bằng vải bông.

Bên cạnh nguyên liệu chính là sợi bông, để tạo ra sản phẩm dệt, các tộc người tại chỗ trên TS - TN còn sử dụng một số loại nguyên liệu khác như màu nhuộm, hạt cườm và các hạt kim loại. Màu nhuộm là các loại thân, củ, quả, rễ cây người dân thu hái trên rừng hoặc trồng trên rẫy. Hạt cườm cũng là một sản phẩm họ thu hái dưới tán rừng. Chỉ có kim loại (chì, bạc...) là sản phẩm mua về từ các cộng đồng cư dân khác, qua quá trình chế tác tương đối đặc biệt trước khi đưa vào dệt, tạo hoa văn. Các loại hạt cườm (hiện đã là loại hạt công nghiệp) hiện vẫn được một số cộng đồng tộc người trên TS - TN sử dụng (Cơ tu, Tà ôi, Giê - Triêng...). Riêng hạt kim loại hầu như không còn được chế tác, sử dụng. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam hiện đang lưu giữ một số sản phẩm dệt của người Cơ Tu có sử dụng hạt kim loại, cả chì và bạc, để tạo hoa văn. Đây là một loại sản phẩm, hoa văn tương đối đặc biệt, độc đáo, tương tự sản phẩm dệt có sử dụng sợi vàng của một số tộc người ở Lào, Thái Lan, Indonesia...

2.2. Công cụ

Do các tộc người tại chỗ trên TS - TN đều dệt vải bằng sợi bông nên bộ công cụ tách bông ra khỏi hạt, làm nhuyễn bông và kéo bông thành sợi của họ về cơ bản giống nhau và giống bộ công cụ của các tộc người khác trong cả nước (cả ở người Việt). Cụ thể, để tách bông ra khỏi hạt họ đều dùng một dụng cụ bằng gỗ, phần chính là 2 trục xoay ngược chiều, dưới tác động của lực quay tay. Để làm cho bông nhuyễn vào nhau, thì đều sử dụng cái “bật bông”, tương tự chiếc cung nhỏ. Người dân một tay cầm chắc phần thân tre, kéo sợi dây áp sát vào thân tre rồi thả tay ra cho sợi dây bật ngược chiều nhiều lần vào số bông cần làm nhuyễn. Sau khi sợi bông đã

nhuyễn, cư dân sẽ sử dụng những chiếc “sa” quay tay để kéo bông thành sợi. Quá trình kéo bông có thể có thêm một vài công cụ nữa được sử dụng và có thể có ít nhiều khác nhau giữa các tộc người. Tuy nhiên, về cơ bản, 3 công cụ trên là chính, quan trọng, đều được các tộc người trong khu vực sử dụng.

Với người Việt, những chiếc khung dệt đã được chế tác và sử dụng ở mức độ cao thấp khác nhau, tùy thuộc vào từng làng và loại sản phẩm dệt. Loại khung đơn giản chỉ có một go, không tạo hoa văn trang trí trên mặt vải; Loại khung dệt phức tạp như của cư dân làng Vạn Phúc (Hà Nội) gồm nhiều go, có thể tạo ra nhiều loại hoa văn trên mặt vải. Với người Thái, về cơ bản có 2 loại khung để dệt 2 loại vải/lụa, một loại có hoa văn trang trí và một loại không có hoa văn trang trí. Nhiều tộc người khác chỉ có một loại khung dệt tạo ra vải không có hoa văn trang trí (bằng kỹ thuật dệt), như người Mông, Tày, Nùng... Dù sao thì các tộc người này cũng đã đạt đến những tầng bậc nhất định trong chế tác loại khung dệt có khung cố định bằng gỗ. Trong khi đó, khung dệt của các tộc người tại chỗ trên TS - TN (trong cả xã hội truyền thống và hiện nay), chỉ là các chi tiết tách rời, được kết nối với nhau khi mắc sợi dọc vào. Đặc biệt, với các tộc người Việt, Thái, Mường... người dệt hoàn toàn độc lập với khung dệt, trong khi đó người dệt ở các tộc người tại chỗ trên TS - TN buộc phải trở thành một bộ phận quan trọng của khung dệt. Với nhiều tộc người ở đây, người dệt phải dùng cả lưng và chân để làm căng/chùng hàng sợi dọc. Với một số tộc người khác, một đầu hàng sợi dọc được cố định vào một chỗ nào đó (ngôi nhà, cây cối...), đầu còn lại cố định vào lưng người thợ dệt. Đây là loại khung dệt đơn giản nhất có thể thấy được trên đất nước Việt Nam, loại khung dệt được các nhà khoa học gọi là “khung dệt Anhdônêdiêng/ Indônêdiêng”². Loại khung dệt này có thể giúp người dân dệt được các tấm vải (loại vải) với chiều rộng khác nhau (có thể trên 100cm, nhưng cũng có thể chỉ 3-5cm), nhưng nó làm cho tốc độ dệt của người thợ dệt không cao, người dệt nhanh mệt mỏi do cả thân người phải làm việc liên tục, căng thẳng.

2.3. Kỹ thuật và màu sắc

Về kỹ thuật, nghề dệt của các tộc người tại chỗ trên TS - TN về cơ bản đều đơn giản, tương tự kỹ thuật dệt một go, không cái hoa văn ở các tộc người khác trên cả nước. Kỹ thuật dệt này tương tự kỹ thuật đan lóng một (cát một, đề một) giữa một hàng sợi dọc và những đường sợi ngang. Vì vậy, hầu hết các tộc người tại chỗ trên TS - TN, từ xã hội truyền thống cho đến hiện nay, vẫn gọi nghề/

¹. <https://tuoitre.vn/to-lua-viet-nam-su-menh-moi-cua-thu-phu-to-tam-bao-loc-20180115135309194.htm>, truy cập ngày 17/11/2018.

². Trần Từ (1986), *Hoa văn các dân tộc Giarai - Bana*, tr.17 và Chu Thái Sơn (Chủ biên, 2000), *Hoa văn cổ truyền Đắk Lắk*, tr. 46

kỹ thuật dệt với tên gọi có nghĩa là đan (như *tanh* trong ngôn ngữ của người Triêng, thuộc tộc người Giê - Triêng). Tuy vậy, ngay trong xã hội truyền thống, các tộc người này đã duy trì kỹ thuật dệt tạo hoa văn bằng sợi nhuộm màu, trên cả 2 mặt của sản phẩm. Tùy thuộc vào sản phẩm và hoa văn cần dệt, những thợ dệt có thể mắc các sợi dọc nhuộm màu vào vị trí cần cái hoa văn. Khi dệt, họ cũng sử dụng các sợi ngang có màu phù hợp đưa vào các vị trí cụ thể để tạo hoa văn theo yêu cầu. Trong xã hội truyền thống, các nhà khoa học ghi nhận các tộc người nơi đây thường sử dụng kết hợp 3 màu đỏ, đen, trắng để tạo hoa văn, trong đó màu đen (hoặc chàm đen) thường là màu nền; màu đỏ và trắng thường là màu cái hoa văn. Không chỉ vậy, trong một số trường hợp, sản phẩm đặc biệt, một số nhóm người/tộc người còn sử dụng kỹ thuật dệt hoa văn trên một mặt sản phẩm, như người Ba na làng Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. “Với kỹ thuật dệt hoa văn này, mặt sau của tấm vải vẫn giữ nguyên màu nền và hoa văn chỉ hiện lên trên mặt trước (mặt chính, mặt phải của tấm vải)³. Để có thể tạo được hoa văn bằng kỹ thuật này, người thợ dệt phải có bàn tay khéo léo, con mắt tinh tế và khối óc có khả năng hình tượng hóa. Kỹ thuật này thường được sử dụng để dệt tạo hoa văn trên các dải vải có độ rộng từ 2-3 đến 5-7cm, như dải hoa văn trên đuôi khố lễ hội của người đàn ông hay những dải hoa văn quan trọng, chính yếu trên váy của các cô gái và người phụ nữ.

Có thể khẳng định, kỹ thuật dệt đặc trưng nhất của các tộc người tại chỗ trên TS - TN cần được đề cập ở đây là kỹ thuật dệt hoa văn bằng hạt cườm, hạt kim loại. Thực ra kỹ thuật dệt này khá gần với kỹ thuật dệt hoa văn trên một mặt vải: Cần sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tinh tế trong việc đặt từng hạt cườm, hạt chì, hạt bạc; Cần sự sắp xếp hình khối hợp lý từ trong ý thức (khối óc) người thợ dệt. Tuy vậy với kỹ thuật này, người thợ phải mất nhiều thời gian tìm kiếm hạt cườm, chế tác hạt kim loại, sử dụng các loại hạt này tạo hoa văn trên đồ dệt. Muốn dệt hoa văn bằng hạt cườm, phải chọn đúng mùa, vào rừng thu hái hạt cườm; tìm cách tạo lỗ xuyên qua tâm hạt; Muốn dệt hoa văn hạt chì hoặc bạc (đặc biệt là bạc) phải chuẩn bị tiền hoặc của cải có giá trị để trao đổi. Sau đó phải dùng lửa nấu chảy chì hoặc bạc, dùng các thân cỏ nhỏ, đều nhúng vào dung dịch chì/bạc, nhấc nhanh ra, nhúng vào nước lạnh. Tiếp đó dùng dao sắc cắt các ống chì/bạc nhỏ đó (thân cỏ phía trong đã bị sức nóng của dung dịch chì/ bạc đốt cháy thành tro) thành những hạt chì/ bạc theo yêu cầu. Cuối cùng, dùng các sợi bông luồn qua lỗ đã được tạo trên hạt cườm, hạt chì hoặc hạt bạc. Khi dệt, các sợi bông đã được luồn hạt cườm, chì

hoặc bạc sẽ được đưa vào giữa 2 hàng sợi dọc nhờ go và thoi. Tuy nhiên, để tạo ra hoa văn, người thợ phải dùng tay đếm và đặt những hạt cườm, hạt chì, hạt bạc vào đúng vị trí, đúng số lượng hạt cần thiết. Sau khi đã sắp xếp xong vị trí các hạt cườm (chì hay bạc) trên một sợi ngang, người thợ mới dùng thanh gỗ mảnh đập nhẹ, ép cho các sợi ngang giáp vào nhau rồi chuyển go, bắt đầu một sợi ngang mới. Cứ thế, từng sợi ngang với số hạt cườm, chì hoặc bạc (cần thiết) sẽ lần lượt được xếp, đặt vào đúng vị trí, đúng số lượng để tấm vải hoàn thành, các mô típ hoa văn hiện lên theo mong muốn của người dệt. Đây là công việc đòi hỏi sự chi tiết, cẩn trọng và chính xác, vì các mẫu hoa văn không được vẽ thiết kế cụ thể, rõ ràng mà chỉ được hình thành/hình dung trong đầu người thợ, trước khi hiện ra trên sản phẩm dệt nhờ đôi tay khéo léo và khối óc tinh tế, tài hoa của họ.

2.4. Sản phẩm và hoa văn

Về góc độ sản phẩm, điểm khác biệt đầu tiên, quan trọng nhất giữa nghề dệt của các tộc người tại chỗ trên TS - TN với nghề dệt của các tộc người khác trong đất nước Việt Nam là: Các tộc người khác dệt ra vải, trong khi các tộc người tại chỗ trên TS - TN dệt ra trang phục. Cụ thể hơn, nghề dệt của các tộc người tại chỗ trên TS - TN dệt trực tiếp ra khố, váy, tấm đắp, tấm khoác, tấm địu... Trước khi dệt, họ thường xác định sẽ dệt khố, váy, tấm đắp, tấm khoác hay tấm địu... trên cơ sở đó tính toán sử dụng khung rộng hay hẹp, mắc sợi dọc dài hay ngắn và sắp xếp các sợi màu vào đúng vị trí nhằm tạo ra các dải hoa văn phù hợp với từng loại sản phẩm. Khi dệt xong, người ta chỉ cần cắt bỏ phần sợi dọc ngăn cách giữa các sản phẩm là có thể sử dụng. Gần đây, một số tộc người trong khu vực đã cắt may cả áo nam và áo nữ, nhưng cũng thường sử dụng nguyên các tấm vải gấp lại, theo chiều ngang thành thân áo; theo chiều dọc thành tay áo. Họ chỉ cần khâu ghép một số chỗ (vai, eo,...), cắt rời một số vị trí (cổ, chỗ xỏ tay hoặc chỗ nối tay áo) là được những chiếc áo theo yêu cầu. Đây là những chiếc áo cắt, may đơn giản, cơ bản vẫn giữ được đặc điểm “dệt ra sản phẩm” của nghề dệt của các tộc người tại chỗ nơi đây.

Về hoa văn hay nghệ thuật trang trí hoa văn, cần khẳng định, sản phẩm dệt (y phục và đồ dùng bằng vải) của các tộc người tại chỗ trên TS - TN có đặc điểm chung là nghệ thuật trang trí dải - bó cục thành dải. Nhà nghiên cứu Chu Thái Sơn còn phân các dải trang trí trên y phục 2 tộc người Êđê và Mnông ở Đăk Lăk thành 2 loại: Dải điểm và dải hoa văn chính⁴. Trần Tấn Vịnh cho rằng “Chỉ màu (các dải màu) chẳng những tạo đường viền mà còn

³. Phạm Văn Lợi (2017), *Nghề dệt và sản phẩm dệt của người Bana ở làng Kon Rờ Bàng, thành phố Kon Tum*, tr. 45.

⁴. Chu Thái Sơn (2000), *Hoa văn cổ truyền Đăk Lăk*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 91-93.

đóng khung, bố cục, phân cách các dải hoa văn hạt cườm”⁵. Cách bố cục này kết hợp với cách sử dụng y phục làm xuất hiện nét đặc trưng nổi bật của nghệ dệt và sản phẩm dệt của các tộc người tại chỗ TS - TN là các dải màu và dải hoa văn trang trí chạy song song với mặt đất, chia thân thể người mặc thành nhiều phần/khoảng khác nhau. Còn nhà nghiên cứu Trần Từ thì cho rằng các dải màu/hoa văn có độ dày mỏng, đậm nhạt khác nhau “cho khớp với những tầm cao thấp khác nhau trên trục dọc của thân thể người mặc. Bên cạnh cách bố cục thành dải, trên y phục các tộc người nơi đây cũng đã xuất hiện kỹ thuật bố cục “ô”, nơi tập trung một hoặc một vài mô típ hoa văn chính, quan trọng, tạo ra các điểm nhấn cho y phục (thổ cẩm/ đồ dệt).

Về các mô típ hoa văn, trong công trình nghiên cứu, các nhà nghiên cứu đã vẽ lại/mô tả rất nhiều mô típ hoa văn khác nhau. Ở đó, nhiều mô típ là riêng có của từng tộc người, nhưng cũng gồm nhiều mô típ hoa văn tương tự nhau, xuất hiện ở hầu hết các tộc người tại chỗ trong khu vực. Trong số này có 2 mô típ hoa văn chung, tiêu biểu, phổ biến cho cả khu vực, cần phải được đề cập. Đó là mô típ hoa văn sao 4 cánh hay 8 cánh (*ch'menh/ ch'tur*) ở người Cơ tu, “ngôi sao tám cánh” ở người Ba na hay “hoa chàm” ở người Gia Rai” và mô típ hoa văn “hình thoi” hay “quả trám” với nhiều biến thể khác nhau. Còn lại là rất nhiều mô típ hoa văn phản ánh môi trường tự nhiên, cuộc sống sinh hoạt, cách nhìn nhận về bản thân con người, tộc người (nhân sinh quan) và thế giới tự nhiên xung quanh (thế giới quan) khác nhau, ở từng tộc người, từng khu vực cư trú.

3. Nghề dệt và sản phẩm dệt

Vấn đề đầu tiên, các nguyên liệu truyền thống đã và đang bị hạn chế sử dụng trong nghề dệt của các tộc người tại chỗ TS - TN. Hiện tại, hầu hết các tộc người tại chỗ trên địa bàn không còn trồng bông dùng cho nghề dệt, mà chấp nhận mua sợi công nghiệp trên thị trường về dệt. Không chỉ vậy, các nguyên liệu truyền thống dùng để nhuộm màu cho sợi cũng dần bị loại bỏ, để lựa chọn các loại màu công nghiệp bán sẵn trên thị trường. Ngay cả hạt cườm tự nhiên sử dụng trong dệt cải hoa văn cũng đã vắng bóng. Nghề dệt của các tộc người tại chỗ TS - TN vốn sản xuất ra các sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn với con người đã từng bước dệt ra các sản phẩm không thân thiện, thậm chí còn có tác động xấu đến môi trường và con người. Điều này một phần do diện tích rừng bị thu hẹp, việc tìm, phát, đốt rừng làm rẫy trồng bông; tìm kiếm các nguyên vật liệu tự nhiên ngày càng khó khăn; phần khác do sự tiện lợi, dễ kiếm, dễ mua, giá cả

⁵. Trần Tấn Vĩnh (2009), *Nghề dệt và trang phục cổ truyền của dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam*, tr. 112

phải chằng của các nguyên liệu công nghiệp. Để giải quyết vấn đề này không thể vận động cư dân trồng bông, kéo sợi như xưa mà cần vận động người dân tiếp tục sử dụng các loại thân, vỏ, quả, rễ... cây để nhuộm màu cho sợi, không sử dụng thuốc nhuộm hóa học, góp phần duy trì tính thân thiện với môi trường, với con người của sản phẩm dệt. Nếu cộng đồng tộc người nào, khu vực nào còn (hoặc còn muốn) duy trì hoạt động trồng bông, cũng nên vận động đưa công cụ, kỹ thuật mới vào giúp họ có thể chế tác được sợi bông với chất lượng cao hơn, cả kỹ và mỹ thuật. Thậm chí, có thể tính tới phương án xây dựng/thành lập vùng chuyên canh bông, nhà máy chế biến bông cung cấp cho các tộc người tại chỗ trong khu vực, đảm bảo sản phẩm dệt/thổ cẩm của họ có chất lượng kỹ, mỹ thuật cao hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cư dân và khách du lịch.

Thứ hai, về công cụ, bộ khung dệt Anhdônêdiêng tạo cơ hội cho người dệt mở rộng hoặc thu hẹp chiều rộng khổ vải, tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu sử dụng, từ những dải vải có chiều rộng từ 2 - 3cm đến những chiếc khổ có chiều rộng dao động từ 20 - 40cm và những chiếc váy, tấm đắp, tấm khoác rộng từ 80 - 100cm, rộng gấp đôi, gấp ba khổ vải do khung dệt truyền thống của người Việt và nhiều tộc người khác dệt ra trong xã hội truyền thống. Tuy vậy, bộ khung dệt này lại bị hạn chế về độ dài của sợi dọc (có nghĩa là hạn chế số lượng sản phẩm) trong một lần mắc⁶, đặc biệt ở những tộc người sử dụng cả chân và lưng người dệt như là điểm đầu và điểm cuối của khung dệt. Bộ khung dệt Anhdônêdiêng còn làm cho người dệt căng cứng cả chân và thân người; chỉ có thể dệt trong những khoảng thời gian ngắn, khiến năng suất dệt không cao, dẫn tới giá thành sản phẩm cao, khó cạnh tranh với các sản phẩm dệt công nghiệp. Thêm nữa, cứ mỗi lần dệt hoặc nghỉ dệt, người thợ lại phải buộc khung dệt vào/tháo khung dệt ra khỏi thân thể, làm ảnh hưởng ít nhiều đến độ ken, khít giữa các hàng sợi ngang và ảnh hưởng (ít nhiều) tới chất lượng kỹ, mỹ thuật của sản phẩm. Để duy trì ưu điểm, hạn chế nhược điểm của khung dệt, cần tuyên truyền để cư dân cố định một đầu khung dệt vào một vị trí nào đó, hạn chế việc sử dụng cả chân và lưng người dệt vào việc căng/chùng hàng sợi dọc. Có thể tạo dựng hệ thống giá đỡ để tách 2 hàng sợi dọc bằng tác động của đôi chân, như khung dệt truyền thống của các tộc người Việt, Mường, Thái... nhằm giảm bớt vất vả cho đôi tay người thợ, để họ tập trung vào việc điều chỉnh hệ thống sợi, tạo hoa văn trang trí, góp phần tăng năng suất, nâng cao chất lượng kỹ, mỹ thuật cho sản phẩm.

Thứ ba, về kỹ thuật dệt cải hoa văn, từ dệt cải hoa văn bằng sợi nhuộm màu trên 2 mặt sản phẩm

⁶. Trần Từ (1986), *Hoa văn các dân tộc Giarai - Bana*, tr. 17, 19

đến dệt cải hoa văn trên một mặt sản phẩm (cũng bằng sợi nhuộm màu) và dệt cải hoa văn bằng hạt cườm (chì hoặc bạc) hoàn toàn thủ công. Điều này có thể tạo ra những sản phẩm riêng biệt, duy nhất (khác với sản phẩm công nghiệp, sản xuất hàng loạt), nhưng lại hạn chế rất lớn về tốc độ, năng suất, làm giá thành các sản phẩm dệt có hoa văn, đặc biệt là hoa văn một mặt và hoa văn hạt cườm (chì, bạc) cao hơn nhiều so với các sản phẩm dệt công nghiệp. Điều này chỉ được giải quyết nếu người dân (với sự trợ giúp của các chuyên gia) chuyển từ dệt y phục sang dệt các sản phẩm phục vụ trang trí nội thất, các sản phẩm du lịch, bán cho du khách trong và ngoài nước như các tác phẩm nghệ thuật độc bản.

Thứ tư, về sản phẩm, việc có thể dệt ra các tấm vải có chiều rộng, chiều dài phù hợp, sử dụng làm y phục ngay không cần qua cắt may hoặc chỉ cần cắt may một cách đơn giản là một đặc trưng, một thế mạnh của nghề dệt các tộc người tại chỗ TS - TN trong xã hội truyền thống - xã hội tương đối khép kín, tự cung tự cấp. Tuy nhiên, trong thời điểm hiện nay, khi TS - TN đã hội nhập với cả nước và quốc tế, với cơ chế thị trường, đặc trưng này đã và đang trở thành điểm yếu, là một trong những nguyên nhân làm cho y phục truyền thống của các tộc người nơi đây ngày càng thất thế trong cuộc cạnh tranh với y phục cắt may đa dạng về màu sắc, kiểu dáng, hoa văn... Nhưng đây lại là một thế mạnh trong sản xuất các sản phẩm trang trí như tấm trải bàn, tấm bọc đệm, tranh vải... mang tính độc bản, như những tác phẩm nghệ thuật. Đây chính là những loại hình sản phẩm rất được khách du lịch trong và ngoài nước ưa chuộng; có thể đem lại cho cư dân thu nhập cao (tương tự như nghề dệt tại một số làng của người Tà Ôi ở Thừa Thiên Huế và người Cơ Tu ở Quảng Nam hiện nay), cần được áp dụng, phát huy và phát triển.

4. Một số vấn đề đặt ra

4.1. Nghề dệt và sản phẩm dệt của các tộc người tại chỗ trên TS - TN có những đặc trưng tiêu biểu cả trên góc độ nguyên liệu, công cụ, kỹ thuật, lẫn màu sắc, sản phẩm và hoa văn. Về nguyên liệu, đó là sợi bông, các loại thân, vỏ, quả, rễ... cây và hạt cườm... để dệt, nhuộm và cải hoa văn. Về công cụ, đó là bộ công cụ thô sơ, thủ công, đặc biệt là chiếc

khung dệt Anhdônêdiêng, bao gồm nhiều chi tiết hoàn toàn tách rời nhau. Về kỹ thuật, đó là kỹ thuật dệt đơn giản, tương tự kỹ thuật đan và các kỹ thuật tạo hoa văn bằng nan nhuộm màu trên một mặt và 2 mặt sản phẩm, tạo hoa văn bằng hạt cườm, hạt kim loại. Về màu sắc, đó là 3 màu truyền thống, cơ bản, gồm đen (hoặc chàm đen) – màu nền và hai màu đỏ và vàng chủ yếu được sử dụng để dệt cải hoa văn. Về sản phẩm, cần đặc biệt nhấn mạnh việc người dân nơi đây có thể dệt trực tiếp ra khổ, váy, tấm đắp, tấm khoác... phục vụ nhu cầu của các thành viên trong gia đình. Về hoa văn, đó là 2 mô típ hoa văn chung của các tộc người trong khu vực, mô típ hoa văn hình sao, mô típ hoa văn hình thoi/hình trám và nhiều mô típ hoa văn phản ánh môi trường tự nhiên, cuộc sống sinh hoạt, nhân sinh quan, thế giới quan riêng có ở từng tộc người, từng khu vực.

4.2. Các vấn đề đặt ra với nghề dệt và sản phẩm dệt của các tộc người tại chỗ trên TS - TN cũng bắt đầu từ nguyên liệu, công cụ, kỹ thuật, sản phẩm và hoa văn. Cụ thể, người dân đã và đang lựa chọn các loại nguyên liệu mới thay thế cho nguyên liệu truyền thống, tạo ra các sản phẩm không thân thiện với môi trường, con người. Bộ công cụ thô sơ và kỹ thuật dệt đơn giản của các tộc người tại chỗ nơi đây góp phần làm năng suất lao động của người thợ thấp, giá thành sản phẩm cao, không cạnh tranh được với các sản phẩm dệt, may công nghiệp bán sẵn trên thị trường. Truyền thống dệt trực tiếp ra y phục hoặc chỉ cắt may đơn giản cũng góp phần làm cho thói quen các tộc người tại chỗ ở TS - TN ngày càng ít được sử dụng, ngay trong chính các cộng đồng cư dân, trong cuộc sống lao động, sinh hoạt thường ngày.

4.3. Để giải quyết các vấn đề này, cần vận động người dân tiếp tục sử dụng thân, vỏ, quả, rễ cây... để nhuộm màu cho sợi; tuyên truyền để cư dân cố định một đầu khung dệt vào một vị trí cố định, hạn chế việc sử dụng cả chân và lưng người thợ như những bộ phận của khung dệt; áp dụng cách tách 2 hàng sợi dọc bằng sức mạnh của đôi chân, để người thợ sử dụng đôi tay vào việc điều chỉnh các hàng sợi, tạo hoa văn trang trí cho sản phẩm; vận động, hỗ trợ cư dân chuyển từ dệt y phục sang dệt các sản phẩm trang trí nội thất, sản phẩm du lịch bán cho du khách trong và ngoài nước./.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Trường Giang (2016), *Nghề dệt truyền thống của người Tàôi trong bối cảnh kinh tế thị trường (Nghiên cứu trường hợp xã Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế*, Bảo tàng và Nhân học, số 1, tr. 42-49.
- Hoàng Lương (1988), *Hoa văn Thái*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Hoàng Lương (1987), *Hoa văn mặt chần Thái ở Mường Tác (Phù Yên-Sơn La)*, Luận án Phó tiến sĩ Sử học.
- Phạm Văn Lợi (2017), *Nghề dệt và sản phẩm dệt của người Bana ở làng Kon Rờ Bàng, thành phố Kon Tum*, Bảo tàng và Nhân học, số 1, 43- 51.
- Nguyễn Thị Thanh Nga (2003), *Nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc trong cuộc sống hiện đại*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Đoàn Thị Tinh (1987), *Tìm hiểu trang phục Việt Nam (dân tộc Việt)*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
- Lê Ngọc Thắng (1990), *Nghệ thuật trang phục Thái*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Lê Ngọc Thắng (1990), *Trang phục cổ truyền của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Sử học, Hà Nội.
- Ngô Đức Thịnh (1994), *Y phục và trang sức các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Trần Từ (1978), *Hoa văn Mường*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Trần Từ (1986), *Hoa văn các dân tộc Giarai-Bana*, Sở Văn hóa-Thông tin tỉnh Gia Lai, Kon Tum.
- Chu Thái Sơn (chủ biên, 2000), *Hoa văn cổ truyền Đắc Lắc*, Nxb. Khoa học Xã hội.
- Trần Tấn Vịnh (2009), *Nghề dệt và trang phục cổ truyền của dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Chuyên ngành Văn hóa dân gian, Lưu tại Thư viện Quốc gia.

**BASIC FEATURES OF THE BROCADE OF THE LOCAL ETHNIC GROUPS ON TRUONG SON - TAY NGUYEN
REAL SITUATION AND SOME ISSUES**

Pham Van Loi

Institute of Vietnamese Studies and
Development Science
Email: plovme@gmail.com

Received: 15/2/2019
Revised: 21/2/2019
Accepted: 13/3/2019

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/274>

Abstract: Truong Son - Tay Nguyen is a special historical and ethnographic region, including 5 provinces of Kon Tum, Gia Lai, Dak Lak, Dac Nong, Lam Dong and the western mountainous areas from Quang Binh province to Binh Phuoc province. This is the oldest residence of the 15 ethnic groups of the Mon - Khmer language group, the South Asian linguistic family and the 5 ethnic groups of the Malayo-Polonian language group, the Nam Dao linguistic family. Brocades of ethnic groups on this strip of land are also a topic of interest to many scientists. And after many years of research, the author of the article wants to confirm some basic features of brocade - weaving and textile products of local ethnic groups, identify some issues that are posing with weaving and textile products here, thereby orienting solutions to preserve and develop weaving and textile products of the local ethnic groups on this land.

Keywords: Truong Son – Tay Nguyen; Ethnic group; Procade; Weaving and textile products; Preserve brocade weaving.